| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG**<br>Bản án số: **22**/2026/HS-ST<br>Ngày 10-3-2026 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Trương Thị Sen.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đăng Thám;

2. Bà Đỗ Thị Liêu .

***- Thư ký phiên tòa****:* bà Trần Thị Hồng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa****:* bà Đinh Thị Đoan Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2026, đối với bị cáo:

Phan Văn V, sinh ngày 07/9/1994 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn F, xã Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T, sinh năm 1970 và bà Hồ Thị B, sinh năm 1972; chưa có vợ con; tiền án: không ; tiền sự: ngày 10/01/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (nay là TAND khu vực 13 – Đồng Nai) ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện là 18 tháng. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2025, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Thăng Bình thuộc Trại tạm giam số 02 Công an thành phố Đ.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.

2. Ông Nguyễn Tấn Thành N1, sinh năm 1997; địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.

3. Bà Bùi Thị S, sinh năm 1940; địa chỉ: tổ D, thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.

4. Bà Phan Thị V1, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông Mai Văn T1, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn P, xã P, tỉnh Đồng Nai.

*Tại phiên toà, có mặt bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có lý do.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/01/2022, Phan Văn V bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cũ (nay là TAND khu vực 13 – Đồng Nai) ra Quyết định số 03/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện là 18 tháng. Ngày 01/11/2022, V vào Cơ sở cai nghiện ma túy để chấp hành đến ngày 14/02/2023 được ông Mai Văn T1 đến Cơ sở cai nghiện ma túy làm "đơn đề nghị cho phép người đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc về chịu tang" và được Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (nay là Cơ sở Cai nghiện ma tuý số G tỉnh Đồng Nai) cho phép (trong thời hạn từ ngày 14/02/2023 đến ngày 17/02/2023). Sau khi ra khỏi Cơ sơ cai nghiện ma túy, V đi về nhà cô ruột Phan Thị V1 (tại thôn B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai) để làm việc, không có chịu tang như đơn đề nghị. Hết ngày 17/02/2023, Phan Văn V không quay trở lại Cơ sở cai nghiện ma túy. Ngày 18/02/2023, Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (cũ) đã ra Quyết định "Truy tìm người đã có quyết định đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn" nhưng không tìm thấy V. Sau một thời gian làm việc cho cô V1 thì giữa V và cô V1 xảy ra mâu thuẫn nên khoảng tháng 10/2024, V đón xe về nhà bà nội Bùi Thị S (tại tổ D, thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng) để sinh sống. Đến khoảng tháng 01/2025, V đến nhà Nguyễn Tấn Thành N1 (tại thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng) để sống và làm việc tại X bên cạnh nhà N.

Khoảng 09 giờ ngày 15/7/2025, Phan Văn V đón xe buýt từ xã T đến xã N, thành phố Đà Nẵng, sau đó xuống xe đi bộ và đi nhờ xe mô tô của những người đi đường từ xã N đến khu vực gần cầu C thuộc phường H, thành phố Đà Nẵng. Lúc này, khoảng 12 giờ đến 13 giờ cùng ngày, V gặp một người thanh niên (không rõ họ tên, lai lịch) và hỏi mua 300.000 đồng ma tuý, người đàn ông cầm tiền đi đâu đó một lúc thì quay lại đưa ma tuý cho V. Sau khi mua ma túy, V lại tiếp tục đi bộ và đi nhờ xe mô tô của những người đi đường từ phường H, thành phố Đà Nẵng về khu vực nghĩa địa phía sau doanh trại trung đoàn 143 thuộc xã T, thành phố Đà Nẵng sử dụng một mình hết số ma tuý đã mua.

Ngày 24/7/2025, qua công tác nắm tình hình và quản lý cư trú trên địa bàn xã T, thành phố Đà Nẵng, Công an xã T tiến hành mời Phan Văn V về trụ sở

Công an xã T để làm việc và tiến hành test chất ma túy trong nước tiểu của Phan Văn V cho ra kết quả dương tính với ma túy (Methamphetamine). Sau đó, Công an xã T lập biên bản rồi bàn giao cho Công an xã T xử lý. Ngày 04/8/2025, V đón xe khách về nhà ở xã Đ, tỉnh Đồng Nai đến ngày 06/8/2025, Công an xã Đ mời Phan Văn V lên làm việc và tại đây, Công an xã T đã thu thập, niêm phong mẫu nước tiểu của Phan Văn V gửi Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng để giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 1436/KL-KTHS ngày 21/8/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng xác định: Tìm thấy chất ma tuý Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Phan Văn V gửi giám định.

Bản cáo trạng số 46/CT-VKSKV6-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phan Văn V về tội *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"* theo điểm a khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm đã truy tố và trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025): tuyên bố bị cáo Phan Văn Vi phạm T2 *"Sử dụng trái phép chất ma tuý";* xử phạt bị cáo V từ 02 năm – 2 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam ngày 04/12/2025.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo không trình bày lời bào chữa và không tham gia tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo nhận thức hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành công dân tốt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Bị cáo Phan Văn V đang trong thời hạn cai nghiện ma tuý theo Quyết định số 03/QĐ-TA 10/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (nay là Toà án nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai) về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 17/02/2023, V bỏ trốn khỏi Cơ sở cai nghiện ma túy nên ngày 18/02/2023, Cơ sở cai nghiện ma túy đã ra Quyết định "Truy tìm người đã có quyết định đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn" nhưng không tìm thấy V. Đến ngày 15/7/2025, bị cáo V có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại khu vực nghĩa địa phía sau doanh trại trung đoàn 143, xã T, thành phố Đà Nẵng thì bị phát hiện. Hành vi của bị cáo Phan Văn V sử dụng trái phép chất ma tuý khi đang trong thời hạn cai nghiện ma tuý, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo: ma túy là chất gây nghiện có hại cho sức khỏe con người, sử dụng ma tuý là một trong những tệ nạn nguy hiểm nhất trong xã hội. Khi sử dụng chất ma túy sẽ làm cho con người có nhận thức lệch lạc, mơ hồ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần, là tác nhân gây ra các tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Bị cáo có đủ khả năng để nhận thức hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp quy định của pháp luật để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, thể hiện được tính giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo V không có tình tiết tăng nặng nhưng có 01 tiền sự: bị cáo đang trong thời gian chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 03/QĐ-TA 10/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, nhưng nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[5]. Về những vấn đề có liên quan trong vụ án:

- Đối với một người thanh niên (không rõ họ tên, lai lịch) mà bị cáo khai đã mua ma tuý để sử dụng. Bị cáo không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã tiến hành xác minh nhưng không đủ cơ sở để xử lý là phù hợp.

- Đối với Bản phô tô Giấy chứng tử (bản sao) có nội dung: *"Họ và tên: Trương Thị K, sinh năm 1928, nơi thường trú/tạm trú cuối cùng: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước – số 20 Quyển số 01, ngày đăng ký 14/02/2023, do người thực hiện Võ Chí C đã ký, người ký giấy chứng tử Nguyễn Trung T3 được sao từ sổ đăng ký khai tử ngày 14 tháng 02 năm 2023 được người ký bản sao giấy chứng tử là Phó Chủ tịch Trịnh Thị Thu P đã ký và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước"* không đúng theo tài liệu lưu trữ hiện nay tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Do đó, hành vi trên có dấu hiệu vi phạm pháp luật nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã chuyển thông tin vụ việc cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ tiếp tục xác minh, xử lý là phù hợp.

[6]. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 256a, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Phan Văn Vi phạm T2 *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"*.

Xử phạt: Phan Văn V 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt để tạm giam (ngày 04/12/2025).

2. Về án phí: căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q, bị cáo phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/3/2026). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong phạm vi quyền hạn của mình) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- TAND thành phố Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 – Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT thành phố Đà Nẵng;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trương Thị Sen**